

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BẮC TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST

Ngày 16/01/2024

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Tú ; Bà Hoàng Phương Lan.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hồng Quân.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 450/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2023/QĐ-HPT ngày 28/12/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh A, sinh năm 1975; Có mặt

Bị đơn: Ông Phan Bá B, sinh năm 1971; Vắng mặt

Cùng thường trú tại: Tổ dân phố số 1, phường Đ, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

NỘI D V VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông Phan Bá B tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 03/8/1995 tại UBND phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại tổ dân phố Đông Ngạc 3, phường Đông Ngạc, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Hôn nhân của ông bà không hạnh phúc. Hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát do ông B cờ bạc, rượu chè. Lúc hết tiền hay say rượu, ông B thường xuyên đánh đập vợ con, đối xử với vợ con không ra gì. Do các con còn nhỏ nên bà A cố gắng chịu đựng nhiều năm qua. Nay các con của ông bà, người đã trưởng thành, xây dựng gia đình riêng, người thì đã đủ lớn, hiểu biết mà ông B vẫn không thay đổi tính nết. Vì vậy sau 30 năm chịu đựng sự gây sự, đánh đập vô cớ của ông B, bà A không thể chịu đựng được tiếp, không thể tiếp tục chung sống. Bà A đã nộp đơn ly hôn và báo cho ông B biết nhưng ông B không đồng ý ly hôn và nói sẽ gây khó khăn cho bà và dọa nhốt bà ở nhà. Ngày 04/10/2023, ông B đến chỗ làm của bà, bắt bà về nhà, bà không đồng ý thì bị ông B đuổi đánh, dọa giết gây náo loạn cơ quan. Bà A sợ quá nên đã đưa con út đi trốn, không dám cho ông B biết nơi ở của mẹ con bà. Sau đó, ông B đến nhà bố đẻ bà để tìm và gây sự với gia đình bà. Con út của ông bà đã phải

ngỉ học từ ngày bà đưa cháu đi trốn vì ông B đe dọa nếu tìm thấy mẹ con bà sẽ đánh đập tại chỗ. Bà rất lo lắng cho tính mạng và sức khỏe của mình và con nên đi đâu cũng phải có người đi cùng. Bản thân ông B có tiền án, tiền sự về hành vi chống người thi hành công vụ và đánh người gây thương tích. Thực tế, hai vợ chồng bà đã sống ly thân, không quan tâm tới nhau, mỗi người một nhà, mặc dù chung sân đã gần chục năm nay. Bà A xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà A và ông B có bốn con chung là Phan Như C, sinh ngày 29/6/1995; Phan Thùy D, sinh ngày 26/4/2003; Phan Thùy E, sinh ngày 24/11/2004 và Phan Bá F, sinh ngày 03/7/2009. Chị C đã xây dựng gia đình riêng, chị D và chị E đã trưởng thành. Bà A có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu F, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Hiện bà A đang làm bảo vệ, thu nhập khoảng 07 triệu đồng/tháng. Ông B không có việc làm ổn định.

Về tài sản chung: Ông bà tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Ông bà không có.

Tại bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Phan Bá B trình bày:

Ông B đồng ý với trình bày của bà A về thời gian, điều kiện kết hôn và con chung. Ông B không đồng ý ly hôn vì các con ông bà đang tuổi trưởng thành cần có đủ bố và mẹ. Vợ chồng ông bà cũng không có gì xích mích nặng. Các con đang tuổi trưởng thành, con lớn đã lấy chồng, con thứ 2, thứ 3 đang học đại học và học nghề, con út học lớp 9 đều cần có sự chăm sóc, giáo dục của bố mẹ. Thời gian gần đây, bà A tự ý mang con út bỏ ra khỏi nhà không nói với ông B là đi đâu, cô giáo báo con đã nghỉ học từ khi bà A đưa con đi. Ông B rất lo lắng cho con. Ông B không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án hoà giải đoàn tụ. Nếu bà A kiên quyết ly hôn, Ông B có nguyện vọng nuôi 03 con. Hiện Ông B làm tự do, thu nhập hơn 10 triệu đồng/tháng.

Tại phiên tòa:

- Bà A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa giải quyết ly hôn cho bà với ông B. Chị C đã xây dựng gia đình riêng, chị D và chị E đã trưởng thành. Bà đề nghị Tòa án giao cháu F cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, ông bà không có.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và giải quyết vụ việc:

+ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, lập hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. Tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Các quy định về phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng đều được thực hiện theo đúng quy định tại Chương 14 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà A đã chấp hành đúng, ông B chấp hành đúng một phần các quy định tại Điều 70, 71, 72, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A với ông B; Bà A được ly hôn với ông B; Ông B, bà A có bốn con chung là Phan Như C, sinh ngày 29/6/1995; Phan Thùy D, sinh ngày 26/4/2003; Phan Thùy E, sinh ngày

24/11/2004 đã trưởng thành và cháu Phan Bá F, sinh ngày 03/7/2009. Giao cháu F cho bà A nuôi dưỡng, ông B không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông bà không có nợ chung, không giải quyết tài sản chung. Bà A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Phan Bá B là bị đơn trong vụ án thường trú và cư trú tại tổ dân phố Đông Ngạc 3, phường Đông Ngạc, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm theo quy định tại Điều 28, khoản 1 điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc xét xử vắng mặt ông B: Ông B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông B.

[2] Về nội D:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Bá B và Bà Nguyễn Thị Thanh A kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Bạch B, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội ngày 03/8/1995. Hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Sau khi kết hôn, hôn nhân của ông bà không hạnh phúc. Bà A khai ông bà thường xuyên cãi vã, xô xát, ông B thường xuyên đánh đập bà khi say rượu, khi không có tiền và không có trách nhiệm với gia đình còn ông B khai hai ông bà có mâu thuẫn xích mích nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ. Qua phản ánh của địa phương, nhân dân và gia đình nơi ông B, bà A cư trú thấy, ông bà có mâu thuẫn kéo dài, hai bên cãi vã, xô xát nhiều lần và ông B có sử dụng vũ lực nhiều lần với bà A. Bà A xác định không còn tình cảm vợ chồng, hiện sống li thân với ông B, không thể tiếp tục chung sống. Xét ông B bà A không còn tình cảm, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng hướng tới mục đích chung là xây dựng hôn nhân, gia đình hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa ông bà trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà A yêu cầu ly hôn với ông B là có căn cứ. Do vậy, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A với ông B.

2.2. Về con chung : Ông B, bà A có bốn con chung là Phan Như C, sinh ngày 29/6/1995, Phan Thùy D, sinh ngày 26/4/2003, Phan Thùy E, sinh ngày 24/11/2004 và Phan Bá F, sinh ngày 03/7/2009. Chị C, chị D, chị E đã trưởng thành, đủ 18 tuổi và khỏe mạnh nên không xem xét. Bà A, ông B đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu F và có điều kiện nuôi con tương đương với nhau: Ông B có nhà riêng, có thu nhập (tự khai là 10.000.000 đồng/tháng), bà A được bố đẻ là cụ Ngọc tạo điều kiện về chỗ ở sau ly hôn và có thu nhập là 7.000.000 đồng/tháng. Cháu F, con ông bà có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn, hiện bà A đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu F. Xét mọi mặt, để đảm bảo lợi ích cho cháu F có cuộc sống tốt nhất, đảm bảo sự phát triển ổn định sau khi cha mẹ ly hôn, cần giao cháu F cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng. Ông B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông B đến khi cháu F đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

2.4. Về tài sản chung, nợ chung: Ông B, bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Bà A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự ; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng : Các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh A đối với ông Phan Bá B.

3. Về quan hệ hôn nhân : Bà Nguyễn Thị Thanh A được ly hôn với ông Phan Bá B.

4. Về con chung: Ông B, bà A có bốn con chung là Phan Như C, sinh ngày 29/6/1995; Phan Thùy D, sinh ngày 26/4/2003; Phan Thùy E, sinh ngày 24/11/2004 và Phan Bá F, sinh ngày 03/7/2009. Chị C, chị D, chị E đã trưởng thành, khỏe mạnh nên không xem xét. Giao cháu F cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, ông B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

5. Về cấp dưỡng nuôi con : Ông B không phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi cháu F đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

6. Về tài sản chung, nợ chung: Ông B, bà A không yêu cầu giải quyết

7. Về án phí : Bà A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Bà A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0044174 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm nay chuyển thành án phí. Bà Hà đã nộp đủ án phí.

8 Về quyền kháng cáo : Bà A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Bắc Từ Liêm,;
- Chi cục THADS quận Bắc Từ Liêm;
- TAND, VKSND TP. Hà Nội;
- UBND xã Hợp Tiến (Số 83/2017);
- Lưu hồ sơ; Văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Loan